Asset Management

CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ SSI

Tầng 5, tòa nhà số 1C Ngô Quyền, Phường Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

Tel: (+84) 24 3936 6321 **Email:** ssiam@ssi.com.vn

BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CÁC QUỸ ETF

Tháng 08, 2026

MỤC LỤC

I. CẬP NHẬT VĨ MÔ 3

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CÁC QUỸ ETF 5

1. Quỹ ETF SSIAM VNFIN LEAD 5
2. Quỹ ETF SSIAM VN30 8
3. Quỹ ETF SSIAM VNX50 10

CẬP NHẬT VĨ MÔ – THÁNG 8 2026

Sản xuất và xuất khẩu tiếp tục là động lực tăng trưởng chủ đạo

Sản xuất công nghiệp duy trì đà tăng trưởng cao nhất nhiều năm. Trong tháng 8, chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tăng 14,41% YoY. Lũy kế 8 tháng, IIP tăng 11,92% YoY, đánh dấu tốc độ tăng trưởng cao nhất trong nhiều năm trở lại đây. Động lực tăng trưởng tiếp tục đến từ ngành công nghiệp chế biến chế tạo khi sản lượng toàn ngành tăng 12,48% trong 8 tháng đầu năm. Nhiều ngành sản xuất chủ lực ghi nhận mức tăng trưởng hai chữ số như sản xuất kim loại (+22,37%), đồ uống (+16,36%), xe có động cơ (+15,86%), thiết bị điện (+14,56%) và sản phẩm điện tử (+13,91%). Đây đều là những ngành có mức độ liên kết cao với chuỗi cung ứng toàn cầu và phản ánh sự cải thiện của nhu cầu bên ngoài. Bên cạnh đó, ngành khai khoáng tăng 8,09% trong 8 tháng và ngành sản xuất, phân phối điện tăng 10,13%, đều cao hơn đáng kể so với đầu năm. Diễn biến này cho thấy hoạt động sản xuất trong nước đang mở rộng trên diện rộng thay vì chỉ tập trung ở một số ngành xuất khẩu chủ lực.

Hoạt động thương mại quốc tế duy trì đà tăng trưởng tích cực trong tháng 8. Kim ngạch xuất khẩu đạt 54,8 tỷ USD, tăng 26,0% so với cùng kỳ, trong khi nhập khẩu đạt 54,9 tỷ USD, tăng 37,9%. Nhóm hàng điện tử tiếp tục đóng vai trò động lực tăng trưởng quan trọng với mức tăng 56% YoY trong tháng 8. Xuất khẩu điện thoại và linh kiện cũng tăng 24%, phản ánh nhu cầu đối với các sản phẩm công nghệ và hoạt động đầu tư hạ tầng trí tuệ nhân tạo (AI) trên phạm vi toàn cầu vẫn duy trì ở mức cao. Ngoài ra, nhiều ngành hàng công nghiệp cơ bản cũng ghi nhận tăng trưởng tích cực. Xuất khẩu sắt thép tăng đột biến 98% YoY trong tháng 8, nâng mức tăng trưởng lũy kế 8 tháng lên 16%. Nhóm năng lượng và hóa chất cũng có diễn biến rất khả quan với xuất khẩu xăng dầu tăng 98% và hóa chất tăng 88%. Trong lĩnh vực nông nghiệp, các mặt hàng chủ lực tiếp tục duy trì vị thế tích cực, trong đó xuất khẩu rau quả tăng 45%, cà phê tăng 24% so với cùng kỳ.

Nhập khẩu hạ nhiệt nhưng vẫn phản ánh nhu cầu sản xuất cao. Sau giai đoạn tăng mạnh từ đầu năm để tích lũy nguyên vật liệu và hàng tồn kho, hoạt động nhập khẩu đã có dấu hiệu chậm lại trong tháng 8. Giá trị nhập khẩu giảm 3,1% so với tháng trước, giúp cán cân thương mại cải thiện đáng kể với mức nhập siêu chỉ còn 113 triệu USD. Tuy nhiên, cơ cấu nhập khẩu tiếp tục cho thấy nhu cầu sản xuất trong nước duy trì ở mức cao. Nhập khẩu nhóm điện tử tiếp tục tăng tới 80% so với cùng kỳ. Bên cạnh đó, nhiều mặt hàng nguyên liệu và năng lượng cũng ghi nhận mức tăng trưởng mạnh như xăng dầu (+150%), dầu thô (+26%), than đá (+91%), quặng và khoáng sản khác (+109%). Diễn biến này cho thấy khu vực sản xuất vẫn đang trong giai đoạn mở rộng công suất, đồng thời phản ánh sự gia tăng nhu cầu năng lượng của nền kinh tế.

Chỉ số IP (%svck)

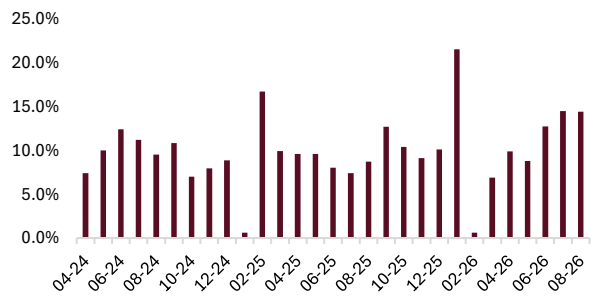

Thương mại quốc tế

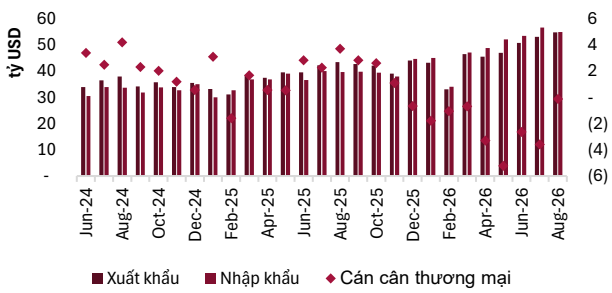

Nguồn: NSO, Fiinpro, SSIAM

Hoạt động đầu tư duy trì xu hướng tích cực và tiếp tục đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ tăng trưởng kinh tế. Giải ngân đầu tư công đã tăng tốc trở lại sau khi chậm lại trong tháng 7, với tổng giá trị giải ngân lũy kế 8 tháng đạt 509,5 nghìn tỷ đồng, tương đương 49,8% kế hoạch Thủ tướng giao và tăng 24,5% so với cùng kỳ năm trước. Song song với đó, dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tiếp tục ghi nhận kết quả khả quan. Vốn FDI thực hiện tăng khoảng 12% trong 8 tháng đầu năm, trong khi vốn FDI đăng ký mới và bổ sung tăng mạnh 55,4%.

CPI tiến sát ngưỡng mục tiêu cả năm. Sau khi hạ nhiệt trong tháng 7, lạm phát đã tăng trở lại trong tháng 8 dưới tác động của giá năng lượng quốc tế, đặc biệt là giá dầu thế giới tăng mạnh khi căng thẳng địa chính trị tại Trung Đông leo thang trở lại. Chỉ số CPI tháng 8 tăng 0,47% so với tháng trước và tăng 4,89% so với cùng kỳ. Lạm phát bình quân 8 tháng đạt 4,45%, tiến sát ngưỡng mục tiêu kiểm soát lạm phát 4,5% của Chính phủ. Không chỉ riêng Việt Nam mà rủi ro lạm phát hiện bao trùm trên phạm vi toàn cầu. Kỳ vọng lạm phát gia tăng đã khiến trái phiếu chính phủ tại nhiều nền kinh tế bị bán ra mạnh, đẩy lợi suất trái phiếu lên mức cao nhất trong nhiều năm và làm tăng rủi ro duy trì mặt bằng lãi suất quốc tế ở mức cao lâu hơn dự kiến.

Tiêu dùng cải thiện nhưng chưa tạo được đột phá. Lũy kế 8 tháng, tổng mức bán lẻ tăng khoảng 13,3% so với cùng kỳ. Sau khi loại trừ yếu tố giá, mức tăng trưởng thực đạt khoảng 7,6%. Mặc dù xu hướng tiêu dùng tiếp tục phục hồi so với cùng kỳ năm trước, tốc độ cải thiện vẫn thấp hơn đáng kể so với khu vực sản xuất và xuất khẩu. Điều này cho thấy động lực tăng trưởng của nền kinh tế hiện vẫn phụ thuộc nhiều vào khu vực sản xuất hướng ngoại hơn là nhu cầu trong nước.

Tổng mức bán lẻ

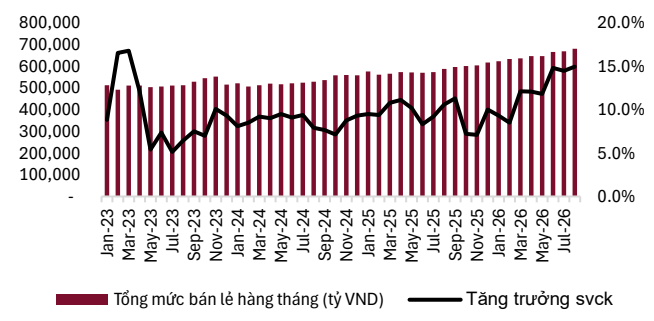

CPI

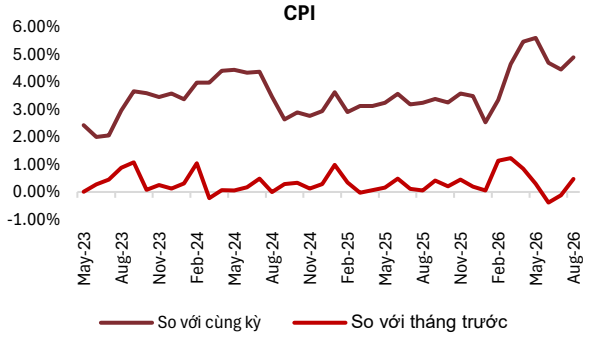

Nguồn: Fiinpro, SSIAM Research

CẬP NHẬT VĨ MÔ – THÁNG 8 2026

Thanh khoản ngân hàng cải thiện, tỷ giá hạ nhiệt

Điều kiện thanh khoản trên thị trường tiền tệ tiếp tục được cải thiện trong tháng 8 bất chấp nhu cầu tín dụng duy trì ở mức cao. Nhiều ngân hàng thương mại đã điều chỉnh tăng lãi suất huy động nhằm thu hút nguồn vốn từ khu vực dân cư, giúp tăng trưởng huy động VNĐ tới 22/8 đạt 8,77%, cao hơn tăng trưởng tín dụng VNĐ là 8,38%. Thanh khoản toàn hệ thống dồi dào hơn, thể hiện qua việc lãi suất liên ngân hàng qua đêm giảm dần trong tháng về quanh ngưỡng 2%. Trong bối cảnh đó, Ngân hàng Nhà nước từng bước giảm hỗ trợ thanh khoản thông qua thị trường mở (OMO), với giá trị hút ròng khoảng 16,6 nghìn tỷ đồng trong tháng. Điều này cho thấy áp lực thanh khoản ngắn hạn của hệ thống đã giảm đáng kể so với các tháng trước.

Một diễn biến đáng chú ý khác là tỷ giá USD/VND đã hạ nhiệt rõ rệt. Tỷ giá giảm khoảng 200 đồng, tương đương 0,76% so với cuối tháng 7, phản ánh tâm lý găm giữ ngoại tệ suy giảm và trạng thái cung cầu ngoại tệ trở nên cân bằng hơn. Bên cạnh đó, nguồn ngoại tệ tích cực từ xuất khẩu và FDI tiếp tục đóng vai trò hỗ trợ quan trọng đối với tỷ giá.

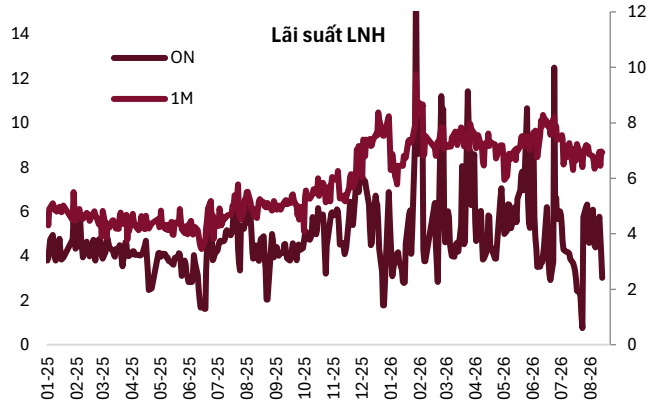

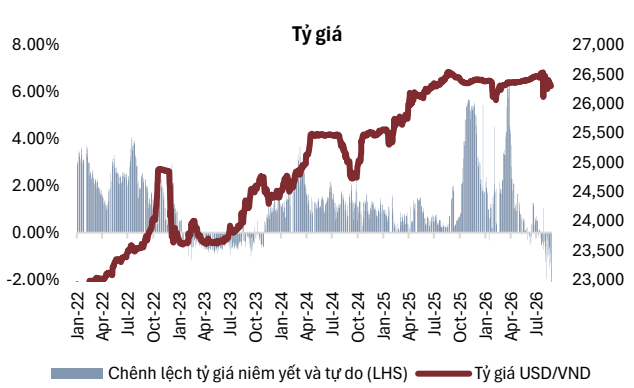

Nguồn: SSIAM, Bloomberg

Thị trường chứng khoán:

Thị trường chứng khoán Việt Nam phục hồi tích cực trong tháng 8 sau nhịp điều chỉnh mạnh của tháng 7. VN-Index kết tháng tại 1.832,12 điểm, tăng 5,6% so với tháng trước, bù đắp phần lớn mức giảm 6,7% của tháng 7 và đưa hiệu suất từ đầu năm về +2,7%. VN30 tăng 5,9%, VNMID tăng 5,4%, cho thấy đà hồi phục vẫn tập trung ở nhóm vốn hóa lớn. Tuy nhiên, thanh khoản chưa cải thiện tương xứng: giá trị khớp lệnh bình quân HOSE chỉ đạt 14,2 nghìn tỷ đồng/phiên, giảm 2,2% MoM và thấp hơn 30% so với trung bình 5 tháng.

Xét theo ngành, bất động sản và ngân hàng tiếp tục dẫn dắt khi lần lượt đóng góp 48,7 điểm và 36,6 điểm vào mức tăng của VN-Index, tương đương gần 90% mức tăng toàn thị trường. VIC, VHM, VRE nổi bật ở nhóm bất động sản, trong khi TCB, VPB, MBB và HDB dẫn dắt nhóm ngân hàng. Dù vậy, dòng tiền chưa thuyết phục khi giá trị giao dịch nhóm ngân hàng giảm 22,3% MoM và dịch vụ tài chính giảm 33,5%, trong khi bất động sản là nhóm hiếm hoi ghi nhận cả giá và thanh khoản cùng cải thiện.

Nhìn chung, tháng 8 cho thấy tâm lý thị trường cải thiện nhưng chưa đủ để xác nhận xu hướng tăng bền vững. Khối ngoại bán ròng khoảng 1,6 nghìn tỷ đồng, song áp lực đã giảm mạnh và đảo chiều mua ròng sau thông tin FTSE ngày 21/8, tập trung vào FPT, TCB và VIC. Quyết định 40/2026/QĐ-TTg về cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp và kỳ vọng nâng hạng FTSE Russell cũng hỗ trợ tâm lý. Về định giá, VN-Index kết tháng ở P/E trailing khoảng 12,55x, thấp hơn đáng kể mức trung bình 10 năm khoảng 15,3x. Định giá vẫn hỗ trợ chiến lược tích lũy chọn lọc, song xu hướng tăng trung hạn cần thêm xác nhận từ thanh khoản, độ lan tỏa và dòng vốn ngoại.

Tính đến 31/08/2026	1M Δ	3M Δ	YTD Δ	2025	End Weight	TTM P/E	P/B	ROE	Beta
Dịch vụ truyền thông	-3,7%	-29,2%	-33,9%	0,2%	0,0%	23,7	0,6	6,7	0,2
Hàng tiêu dùng KTY	3,9%	-9,2%	-17,2%	39,8%	7,5%	15,9	2,7	19,5	0,9
Hàng tiêu dùng thiết yếu	5,2%	-1,0%	-6,2%	-0,4%	8,6%	14,3	2,4	17,3	0,6
Năng lượng	13,8%	-6,6%	26,7%	6,8%	4,6%	11,1	2,3	21,8	0,7
Tài chính	5,1%	-1,8%	-0,4%	21,8%	36,7%	9,6	1,4	16,7	0,8
Chăm sóc sức khỏe	2,1%	-5,1%	-12,1%	1,5%	0,4%	16,2	1,6	9,7	0,2
Công nghiệp	2,9%	-9,9%	-13,7%	27,1%	6,8%	9,8	1,3	14,0	0,8
Công nghệ thông tin	9,0%	1,6%	-22,4%	-26,5%	1,6%	12,5	2,8	22,9	0,8
Nguyên vật liệu	1,1%	-12,7%	-15,2%	-18,4%	1,0%	10,0	1,0	10,0	0,6
Bất động sản	7,2%	4,1%	23,1%	224,8%	31,1%	22,5	3,4	16,2	1,6
Tiện ích	0,3%	-0,3%	1,9%	3,2%	1,6%	7,6	1,2	17,1	0,4
VN-Index	**5,6%**	**-1,7%**	**2,7%**	**40,9%**	**100%**	**12,55**	**2,03**	**16,0**	**1,0**
VN30	**5,9%**	**-0,7%**	**-2,3%**	**51,0%**		**11,16**	**2,03**	**18,0**	

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CÁC QUỸ ETF

1. QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD

THÔNG TIN QUỸ TẠI NGÀY 31/08/2026

TÊN QUỸ	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD
MÃ QUỸ	FUESSVFL
LOẠI HÌNH	Quỹ hoán đổi danh mục
CHỈ SỐ THAM CHIẾU	VNFIN LEAD Index
NGÀY THÀNH LẬP	24/02/2020
SÀN NIÊM YẾT	Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HSX)
QUY MÔ QUỸ	**602.76 Tỷ VND** (~23.12 triệu USD)
ĐẠI LÝ CHUYỂN NHƯỢNG	Tổng Công Ty Lưu Ký và Bù Trừ Chứng Khoán Việt Nam (VSDC)
CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ	Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI (SSIAM)
GIÁ DỊCH VỤ QUẢN LÝ	0.65%
TỔNG SỐ LƯỢNG CCQ LƯU HÀNH	**20,400,000**
THÀNH VIÊN LẬP QUỸ	SSI, MAS, BSC, VIETCAP, BVSC, HSC, KIS
NGÂN HÀNG GIÁM SÁT VÀ LƯU KÝ	Vietcombank – Hội sở

CHỈ SỐ CƠ BẢN CỦA QUỸ

SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU	24
HỆ SỐ P/E	8.27x
HỆ SỐ P/B	1.33x

MÔ TẢ VỀ QUỸ

Quỹ SSIAM VNFIN LEAD ETF hướng tới đạt hiệu quả đầu tư bám sát mức sinh lời thực tế của Chỉ số VNFIN LEAD trong tất cả các giai đoạn.

Quỹ áp dụng chiến lược đầu tư thụ động và đầu tư vào các cổ phiếu cấu thành chỉ số VNFIN LEAD. Quỹ không hướng tới đạt hiệu quả vượt trội so với Chỉ số VNFIN LEAD hoặc đưa ra các biện pháp phòng thủ khi TTCK Việt Nam giảm điểm.

Với việc đầu tư thụ động, Quỹ có thể duy trì tỷ lệ vòng quay danh mục thấp hơn các quỹ có chiến lược đầu tư chủ động, từ đó giảm chi phí hoạt động cho Quỹ.

CHỈ SỐ THAM CHIẾU – VNFIN LEAD INDEX

Chỉ số VNFIN LEAD là chỉ số bao gồm tối thiểu 10 cổ phiếu, được lựa chọn từ các cổ phiếu thành phần thuộc chỉ số ngành tài chính. VNAllShare Financials index (viết tắt VNFIN) đạt tiêu chí lựa chọn với giới hạn tỷ trọng 15% đối với cổ phiếu đơn lẻ, có giá trị giao dịch tối thiểu 10 tỷ đồng và tỷ suất quay vòng tối thiểu 0,1%.

Chỉ số VNFIN LEAD đại diện cho trên 30% vốn hóa của thị trường chứng khoán Việt Nam.

Chỉ số được xem xét điều chỉnh theo khối lượng cổ phiếu tự do chuyển nhượng định kỳ 3 tháng/lần và các cổ phiếu thành phần 6 tháng/lần.

HIỆU QUẢ ĐẦU TƯ

	NAV/CCQ (đồng)	Tăng trưởng (%)			
		1 tháng	3 tháng	Từ đầu năm	Từ ngày thành lập
FUESSVFL	**29,547.15**	8.92%	0.03%	-3.20%	195.47%
VNFIN LEAD Index	**2,867.24**	8.82%	-0.55%	-3.50%	192.10%

Dữ liệu hoạt động đề cập ở đây thể hiện hiệu quả hoạt động trong quá khứ, không đảm bảo kết quả trong tương lai. Giá trị lợi nhuận và số tiền gốc của khoản đầu tư sẽ thay đổi, theo đó giá trị chứng khoán của nhà đầu tư khi bán có thể cao hơn hoặc thấp hơn giá trị vốn ban đầu.

CƠ CẤU DANH MỤC THEO NGÀNH

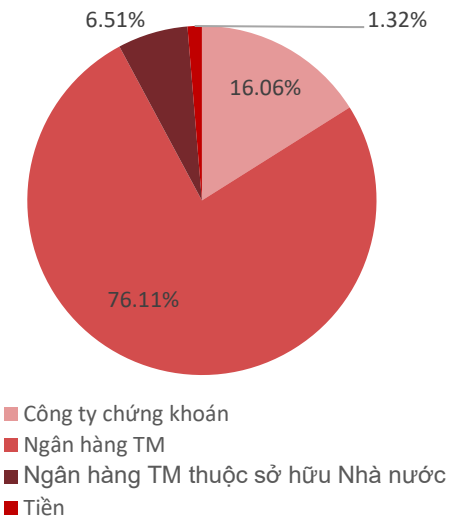

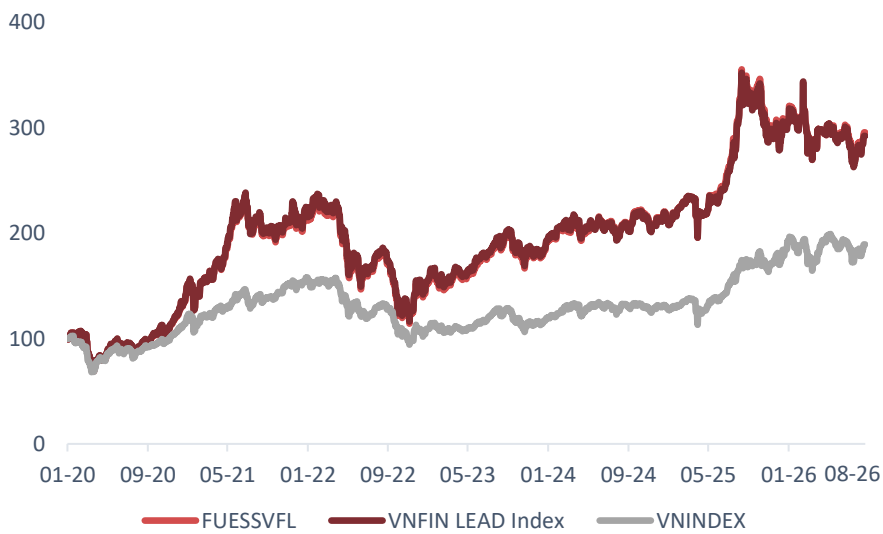

1. QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD (tiếp theo)

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG QUỸ

Trong tháng 8/2026, thị trường chứng khoán Việt Nam phục hồi trở lại sau nhịp điều chỉnh của tháng 7, đặc biệt nhờ đóng góp lớn của nhóm cổ phiếu ngân hàng và chứng khoán, VN-Index tăng +5,6% MoM và +2,7% so với đầu năm.

Nhóm Tài chính là động lực chính đóng góp cho đà tăng của thị trường với chỉ số VNFIN LEAD tăng +8,8% trong tháng 8, tương ứng quỹ FUESSVFL ghi nhận mức tăng +8,9%, bám sát diễn biến của chỉ số tham chiếu. Tính từ đầu năm 2026, chỉ số VNFIN LEAD giảm -3,5%, trong khi hiệu quả hoạt động của quỹ FUESSVFL ghi nhận mức giảm -3,2%.

Trong tháng 8, nhóm tài chính ngân hàng đóng góp đà tăng tốt nhờ kỳ vọng dòng vốn mới đổ vào thị trường trong kỳ giải ngân đầu tiên vào tháng 9/2026 sau sự kiện nâng hạng của FTSE. Trong đó, VPB và TCB là hai mã đóng góp tăng điểm nhiều nhất, lần lượt +1,76 và +1,75 điểm phần trăm, theo sau là MBB (+1,30 điểm phần trăm), HDB (+0,96 điểm phần trăm) và SSI (+0,90 điểm phần trăm). Ở chiều ngược lại, EIB và VCK là hai mã đóng góp tiêu cực duy nhất với lần lượt -0,04 và -0,01 điểm phần trăm, trong khi các cổ phiếu NAB, TCX, LPB, MSB, VND giữ giá.

Nhìn chung, FUESSVFL ghi nhận mức hiệu suất dương trong tháng 8 nhờ diễn biến tích cực của nhóm Tài chính trong bối cảnh thị trường chung phục hồi sau điều chỉnh. Nỗ lực tăng giá của VPB, TCB, MBB, HDB và SSI giúp chỉ số tăng điểm mạnh trong tháng 8 trong khi áp lực giảm điểm đến từ EIB và VCK không đáng kể.

1. QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD (tiếp theo)

DANH MỤC ĐẦU TƯ QUỸ (%NAV)

STT	Mã	Tên công ty	Tỷ trọng (%)	Vốn hóa (triệu VND)	FOL	ROE (%)	ROA (%)	YTD 2025 (%)	P/E	P/B	CTR YTD
1	ACB	Ngân hàng TMCP Á Châu	5.91	131,470,157	6%	16.81	1.57	9.55%	8.27	1.31	0.50
2	BID	Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	0.69	286,628,951	12%	16.51	1.00	2.39%	8.58	1.47	0.02
3	CTG	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam	2.23	248,153,881	5%	22.21	1.44	-9.24%	6.12	1.24	-0.22
4	EIB	Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	1.22	32,225,067	29%	1.87	0.19	-18.78%	64.95	1.21	-0.29
5	HCM	Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	1.05	35,166,089	12%	10.66	3.47	37.08%	24.62	2.23	0.23
6	HDB	Ngân hàng Phát triển TPHCM	9.23	139,146,682	5%	25.80	2.09	-6.40%	6.90	1.60	-0.49
7	MBB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	10.28	194,991,410	1%	22.12	1.99	4.57%	6.71	1.35	0.49
8	MSB	Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam	1.06	49,982,400	19%	13.93	1.51	29.19%	8.46	1.10	0.19
9	NAB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Nam Á	0.07	23,779,438	30%	19.91	1.22	-3.08%	5.05	0.91	0.00
10	OCB	Ngân hàng TMCP Phương Đông	0.08	33,687,611	2%	12.92	1.35	5.86%	7.50	0.93	0.00
11	SHB	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	7.96	65,193,187	26%	17.49	1.35	-24.29%	4.62	0.74	-2.37
12	SSB	Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	0.25	58,632,475	30%	7.09	0.74	18.10%	21.19	1.45	0.03
13	SSI	Công ty cổ phần Chứng khoán SSI	6.79	63,821,924	58%	13.90	5.10	-11.74%	12.55	1.57	-0.95
14	STB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín	11.69	142,333,787	19%	5.02	0.36	30.17%	23.07	2.25	2.67
15	TCB	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	11.95	236,680,430	2%	16.10	2.35	-2.24%	8.49	1.29	-0.42
16	TCX	CTCP Chứng khoán Kỹ Thương	0.25	113,197,696	91%	16.06	7.35	5.26%	17.80	2.43	0.00
17	TPB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Tiên Phong	0.90	40,639,787	8%	18.04	1.55	-14.33%	5.34	0.88	-0.15
18	VCB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam	3.60	502,176,073	10%	18.03	1.71	5.39%	11.90	1.99	0.19
19	VCI	CTCP Chứng khoán Bản Việt	1.05	26,328,499	83%	9.84	4.72	-10.71%	16.28	1.52	-0.13
20	VCK	CTCP Chứng khoán VPS	0.36	74,143,348	96%	19.33	9.13	-2.75%	10.18	2.45	-0.01
21	VIB	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	0.76	50,889,885	2%	16.22	1.33	-11.12%	6.84	1.06	-0.11
22	VIX	CTCP Chứng khoán VIX	5.46	36,276,510	88%	15.67	12.55	-22.09%	6.90	1.12	-1.06
23	VND	CTCP Chứng khoán VNDIRECT	1.15	25,346,293	91%	13.15	5.52	-11.86%	9.31	1.17	-0.20
24	VPB	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	14.95	220,563,076	7%	18.35	2.29	-1.21%	7.25	1.21	-0.11

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CÁC QUỸ ETF

2. QUỸ ETF SSIAM VN30

THÔNG TIN QUỸ TẠI NGÀY 31/08/2026

TÊN QUỸ	**QUỸ ETF SSIAM VN30**
MÃ QUỸ	**FUESSV30**
LOẠI HÌNH	Quỹ hoán đổi danh mục
CHỈ SỐ THAM CHIẾU	VN30 Index
NGÀY THÀNH LẬP	22/06/2020
SÀN NIÊM YẾT	Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HSX)
QUY MÔ QUỸ	**261.73 tỷ VND** (~10.11 triệu USD)
ĐẠI LÝ CHUYỂN NHƯỢNG	Tổng Công Ty Lưu Ký và Bù Trừ Chứng Khoán Việt Nam (VDSC)
CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ	Công Ty TNHH Quản lý Quỹ SSI (SSIAM)
PHÍ QUẢN LÝ	0.55%
TỔNG SỐ LƯỢNG CCQ LƯU HÀNH	**10,500,000**
THÀNH VIÊN LẬP QUỸ	SSI, MAS, BSC, VIETCAP, BVSC, KIS
NGÂN HÀNG GIÁM SÁT VÀ LƯU KÝ	Vietcombank – Hội sở

CHỈ SỐ CƠ BẢN CỦA QUỸ

SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU	30
HỆ SỐ P/E	11.21x
HỆ SỐ P/B	2.08x

MÔ TẢ VỀ QUỸ

Quỹ ETF SSIAM VN30 hướng tới đạt hiệu quả đầu tư bám sát mức sinh lời thực tế của chỉ số VN30 trong tất cả các giai đoạn.

Quỹ áp dụng chiến lược đầu tư thụ động và đầu tư vào các cổ phiếu cấu thành chỉ số VN30. Quỹ không hướng tới đạt hiệu quả vượt trội so với chỉ số VN30 hoặc đưa các biện pháp phòng thủ khi TTCK Việt Nam giảm điểm.

Với việc đầu tư thụ động, Quỹ có thể duy trì tỷ lệ vòng quay danh mục thấp hơn các qũy có chiến lược đầu tư chủ động, từ đó giảm chi phí hoạt động cho Quỹ.

CHỈ SỐ THAM CHIẾU – VN30 INDEX

Chỉ số VN30 là chỉ số bao gồm các cổ phiếu được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh có giá trị vốn hóa và thanh khoản cao nhất thị trường. Chỉ số VN30 có giới hạn trọng lượng 10% đối với cổ phiếu riêng lẻ và 15% đối với nhóm cổ phiếu liên quan.

Chỉ số VN30 đại diện cho trên 60% vốn hóa thị trường chứng khoán Việt Nam.

Chỉ số được xem xét điều chỉnh theo khối lượng cổ phiếu tự do chuyển nhượng định kỳ 3 tháng/lần và các cổ phiếu thành phần 6 tháng/lần.

HIỆU QUẢ ĐẦU TƯ

	NAV/CCQ (đồng)	Tăng trưởng (%)			
		1 tháng	3 tháng	Từ đầu năm	Từ ngày thành lập (22/06/2020)
FUESSV30	**24,926.89**	5.94%	0.00%	-1.40%	149.27%
VN30 Index	**1,982.96**	5.92%	-0.71%	-2.35%	144.82%

Dữ liệu hoạt động đề cập ở đây thể hiện hiệu quả hoạt động trong quá khứ, không đảm bảo kết quả trong tương lai. Giá trị lợi nhuận và số tiền gốc của khoản đầu tư sẽ thay đổi, theo đó giá trị chứng khoán của nhà đầu tư khi bán có thể cao hơn hoặc thấp hơn giá trị vốn ban đầu.

CƠ CẤU DANH MỤC THEO NGÀNH

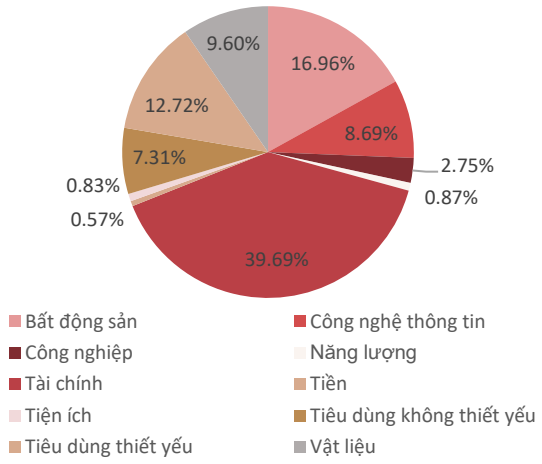

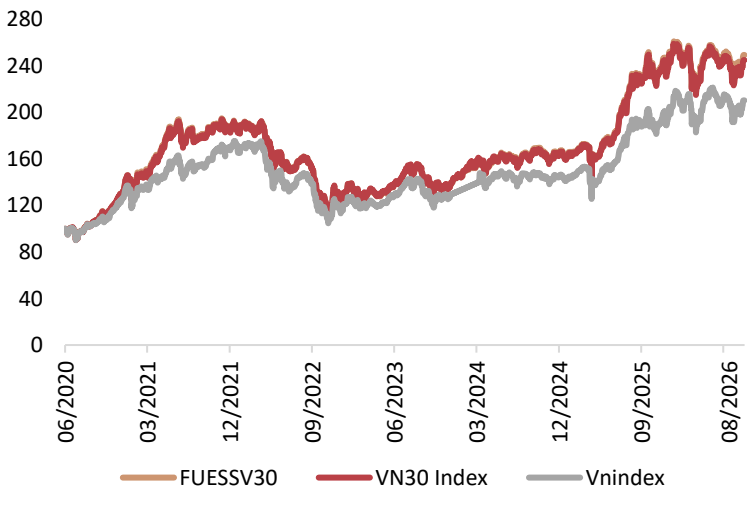

2. QUỸ ETF SSIAM VN30 (tiếp theo)

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG QUỸ

Trong tháng 8/2026, VN-Index tăng +5,6% MoM, đưa mức sinh lời từ đầu năm tăng lên +2,7%. Tương tự, VN30 ghi nhận mức tăng +5,9% trong tháng và giảm -2,3% so với cuối năm 2025, phục hồi sau đà giảm trong tháng 7 nhờ kỳ vọng dòng vốn mới vào thị trường sau nâng hạng.

Chỉ số VN30 tăng +5,9% trong tháng 8, tương ứng quỹ FUESSV30 ghi nhận tăng +5,9%, bám sát diễn biến của chỉ số tham chiếu. Tính từ đầu năm 2026, chỉ số VN30 giảm -2,3%, trong khi hiệu quả hoạt động của quỹ FUESSV30 ghi nhận mức giảm -1,4%.

Trong danh mục FUESSV30, đóng góp cho tăng trưởng tốt nhất là nhóm tài chính, tiêu biểu là TCB và VPB, theo sau là nhóm bất động sản và công nghệ, ngược lại không có nhóm giảm điểm trong tháng 8. Các mã đóng góp tích cực nổi bật bao gồm VIC dẫn đầu với +1,02 điểm phần trăm, tiếp theo là FPT (+0,78 điểm phần trăm), TCB (+0,65 điểm phần trăm), MWG (+0,50 điểm phần trăm), VPB (+0,49 điểm phần trăm) và MBB (+0,45 điểm phần trăm). Ở chiều ngược lại, LPB là mã gây áp lực lớn nhất lên chỉ số với -0,19 điểm phần trăm, tiếp theo là VHM (-0,07 điểm phần trăm), VPL (-0,01 điểm phần trăm), trong khi các mã TCX, PLX, TPB, VJC giữ giá trong tháng. Danh mục FUESSV30 tiếp tục duy trì cơ cấu phân bổ bám sát chỉ số VN30, với nhóm Tài chính khoảng 39,9%, Bất động sản khoảng 16,5% và Tiêu dùng thiết yếu khoảng 13,1% là ba nhóm chiếm tỷ trọng lớn nhất.

Nhìn chung, FUESSV30 ghi nhận tăng trưởng tích cực trong tháng 8, chủ yếu đóng góp bởi VIC, FPT và TCB, trong khi LPB và VHM ghi nhận giảm điểm trong bối cảnh thị trường chung phục hồi sau xu hướng giảm.

DANH MỤC ĐẦU TƯ QUỸ (%NAV)

STT	CỔ PHIẾU	TÊN CÔNG TY	% NAV
1	ACB	Ngân hàng TMCP Á Châu	3.93
2	BID	Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	0.60
3	BSR	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam	0.87
4	CTG	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam	1.31
5	FPT	Công ty Cổ phần FPT	8.69
6	GAS	Tổng Công ty Khí Việt Nam	0.83
7	GVR	Tập đoàn Công nghiệp Cao su Sài Gòn	0.42
8	HDB	Ngân hàng Phát triển TPHCM	3.92
9	HPG	Công ty cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	9.18
10	LPB	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt	4.73
11	MBB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	3.73
12	MCH	Công ty Cổ phần Tập đoàn MaSan	2.92
13	MSN	Công ty Cổ phần Tập đoàn MaSan	5.01
14	MWG	Công ty cổ phần Đầu tư Thế giới Di động	6.80
15	SAB	Tổng CTCP Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	0.52
16	SHB	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	1.63
17	SSB	Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	1.13
18	SSI	Công ty cổ phần Chứng khoán SSI	1.58
19	STB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín	4.75
20	TCB	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	4.58
21	TCX	CTCP Chứng khoán Kỹ Thương	0.59
22	VCB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam	1.94
23	VHM	CTCP Vinhomes	4.47
24	VIB	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	0.98
25	VIC	Tập đoàn Vingroup - Công ty Cổ phần	10.54
26	VJC	CTCP Hàng không VietJet	2.75
27	VNM	Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	4.27
28	VPB	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	4.27
29	VPL	CTCP Vinpearl	0.51
30	VRE	CTCP Vincom Retail	1.94

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CÁC QUỸ ETF

3. QUỸ ETF SSIAM VNX50

THÔNG TIN QUỸ TẠI NGÀY 31/08/2026

TÊN QUỸ	**Quỹ ETF SSIAM VNX50**
MÃ QUỸ	**FUESSV50**
LOẠI HÌNH	Quỹ hoán đổi danh mục
CHỈ SỐ THAM CHIẾU	VNX50 Index
NGÀY THÀNH LẬP	10/12/2014
SÀN NIÊM YẾT	Sở giao dịch chứng khoán TP,Hồ Chí Minh (HSX)
QUY MÔ QUỸ	**207,79 tỷ VND (~7.91 triệu USD)**
ĐẠI LÝ CHUYỂN NHƯỢNG	Tổng Công Ty Lưu Ký Và Bù Trừ Chứng Khoán Việt Nam (VSDC)
CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ	Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI (SSIAM)
GIÁ DỊCH VỤ QUẢN LÝ	0,65%
TỔNG SỐ LƯỢNG CCQ LƯU HÀNH	**7,000,000**
THÀNH VIÊN LẬP QUỸ	SSI, VCBS, BVSC, MAS, VNDS, VIETCAP, KIS
NGÂN HÀNG GIÁM SÁT VÀ LƯU KÝ	BIDV – Chi nhánh Hà Thành

CHỈ SỐ CƠ BẢN CỦA QUỸ

SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU	**50**
HỆ SỐ P/E	11.73x
HỆ SỐ P/B	1.97x

CƠ CẤU DANH MỤC THEO NGÀNH

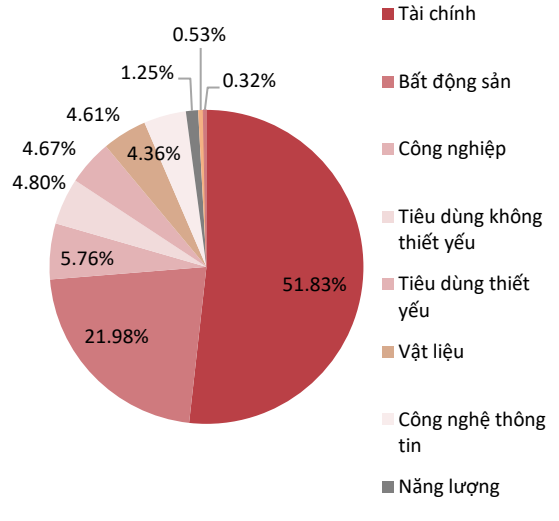

MÔ TẢ VỀ QUỸ

Quỹ ETF SSIAM VNX50 hướng tới đạt hiệu quả đầu tư bám sát mức sinh lời thực tế của Chỉ số VNX50 trong tất cả các giai đoạn.

Quỹ áp dụng chiến lược đầu tư thụ động, Quỹ không chủ động tìm kiếm tăng trưởng cao hơn Chỉ Số Tham Chiếu, cũng như không sử dụng các biện pháp phòng thủ khi thị trường chứng khoán biến động bất lợi.

Với việc đầu tư thụ động, Quỹ có thể duy trì tỷ lệ vòng quay danh mục thấp hơn các quỹ có chiến lược đầu tư chủ động, từ đó giảm chi phí hoạt động cho Quỹ.

CHỈ SỐ THAM CHIẾU VNX50 – VNX50 INDEX

Chỉ số VNX50 là chỉ số giá bao gồm 50 mã cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch Chứng Khoán Hà Nội (HNX) và Sở giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh (HSX). Chỉ số VNX50 bao gồm 50 công ty có giá trị vốn hóa, tính thanh khoản và tỷ lệ tự do chuyển nhượng hàng đầu trong rổ cổ phiếu VNX Allshare. Tỉ lệ vốn hóa tối đa áp dụng cho mỗi cổ phiếu trong Chỉ Số VNX50 là 10%. Ngày cơ sở của của chỉ số VNX50 là 21/07/2017 với điểm cơ sở là giá trị chỉ số đóng cửa của VNX Allshare ngày 21/07/2017.

Chỉ số VNX50 được xem xét điều chỉnh định kỳ 6 tháng/lần.

Chỉ số VNX50 đại diện cho trên 60% vốn hóa của thị trường chứng khoán Việt Nam.

HIỆU QUẢ ĐẦU TƯ

	NAV/CCQ (đồng)	Tăng trưởng (%)			
		1 tháng	3 tháng	Từ đầu năm	Từ ngày chuyển đổi chỉ số (24/10/2017)
FUESSV50	29,683.60	5.09%	-1.01%	0.01%	177.56%
VNX50 INDEX*	3,322.55	5.99%	-1.61%	-0.70%	167.43%

(*) Từ 17/11/2014 đến 22/8/2017, Chỉ số tham chiếu là chỉ số HNX30. Sau 22/8/2017, chỉ số tham chiếu là chỉ số VNX50. Tại ngày 24/10/2017, chứng chỉ quỹ ETF SSIAM VNX50 được niêm yết đầu tiên trên sàn HOSE.

Dữ liệu hoạt động đề cập ở đây thể hiện hiệu quả hoạt động trong quá khứ, không đảm bảo kết quả trong tương lai. Giá trị lợi nhuận và số tiền gốc của khoản đầu tư sẽ thay đổi, theo đó, giá trị chứng khoán của nhà đầu tư khi bán có thể cao hơn hoặc thấp hơn giá trị vốn ban đầu.

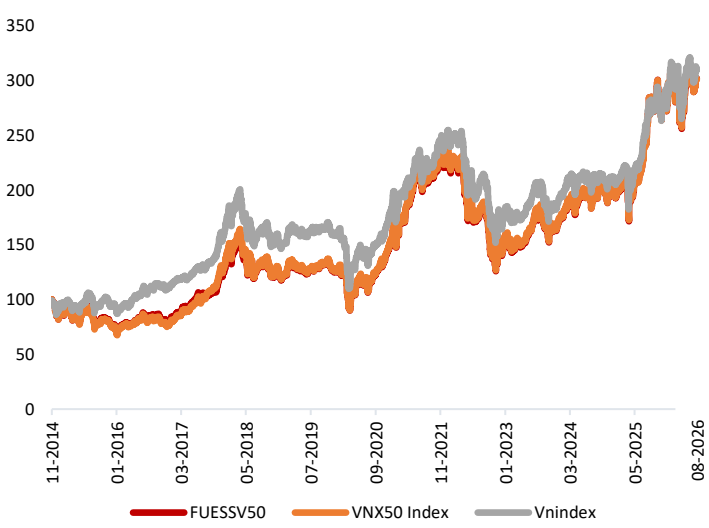

3. QUỸ ETF SSIAM VNX50 (tiếp theo)

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG QUỸ

Trong điều kiện thị trường phục hồi nhờ kỳ vọng nâng hạng FTSE, chỉ số VNX50 tăng +5,99% trong tháng 8, tương ứng quỹ FUESSV50 cũng ghi nhận mức tăng +5,09%. Tính từ đầu năm 2026, chỉ số VNX50 giảm -0,70% trong khi quỹ FUESSV50 ghi nhận +0.01%.

Trong danh mục FUESSV50, 2 nhóm có tỷ trọng cao nhất danh mục là tài chính (52,7% danh mục) và bất động sản (22,1% danh mục) đều ghi nhận tăng điểm mạnh trong tháng 8, tương tự theo sau là nhóm tiêu dùng không thiết yếu và công nghệ. Trong bối cảnh phần lớn thị trường tăng giá, chỉ có nhóm tiện ích (0,4% danh mục) là nhóm duy nhất giảm giá và đóng góp tiêu cực nhưng không đáng kể cho chỉ số chung.

(1) Các mã đóng góp tích cực nổi bật vào hiệu quả chỉ số bao gồm VIC (+1,01 điểm phần trăm), TCB (+0,76 điểm phần trăm), VPB (+0,57 điểm phần trăm), MBB (+0,53 điểm phần trăm), HDB (+0,46 điểm phần trăm), FPT (+0,40 điểm phần trăm), STB (+0,33 điểm phần trăm) và MWG (+0,25 điểm phần trăm). (2) Ở chiều ngược lại, LPB là mã gây áp lực lớn nhất với -0,23 điểm phần trăm, theo sau là VHM với -0,12 điểm phần trăm, tiếp theo là EIB (-0,09 điểm phần trăm), POW, KBC và GEE (cùng -0,01 điểm phần trăm). (3) Danh mục cổ phiếu phân bổ trên cả HOSE và HNX đồng thời đa dạng hóa ở nhiều nhóm ngành giúp hiệu quả NAV của quỹ phản ánh sát diễn biến của các thành phần chỉ số VNX50.

Tổng thể, FUESSV50 ghi nhận mức sinh lời dương trong tháng 8, hồi phục sau giai đoạn thị trường điều chỉnh ở tháng trước nhờ nỗ lực tăng giá đến từ nhóm VIC, TCB và VPB, trong khi đó áp lực giảm điểm không đáng kể chủ yếu đóng góp bởi LPB, VHM và EIB.

3. QUỸ ETF SSIAM VNX50 (tiếp theo)

DANH MỤC ĐẦU TƯ QUỸ (%NAV)

STT	Cổ phiếu	Tên công ty	% NAV	STT	Cổ phiếu	Tên công ty	% NAV
1	**ACB**	Ngân hàng TMCP Á Châu	**4.60**	26	**NVL**	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	**0.71**
2	**BID**	Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	**0.71**	27	**PDR**	Công ty cổ phần Phát triển Bất động sản Phát Đạt	**0.30**
3	**BSR**	Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	**0.44**	28	**PLX**	Tập đoàn Xăng Dầu Việt Nam	**0.17**
4	**CTG**	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam	**1.53**	29	**PNJ**	Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận	**0.80**
5	**DCM**	Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	**0.17**	30	**POW**	Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	**0.32**
6	**DPM**	Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí	**0.24**	31	**PVS**	TCông ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	**0.41**
7	**DXG**	Công ty Cổ phần BLUEMARQ GROUP	**0.50**	32	**SHB**	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	**1.90**
8	**EIB**	Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	**1.06**	34	**SHS**	Công ty Cổ phần Chứng Khoán Sài Gòn Hà Nội	**0.55**
9	**FPT**	Công ty Cổ phần FPT	**4.36**	34	**SSI**	Công ty cổ phần Chứng khoán SSI	**1.85**
10	**FRT**	CTCP Bán lẻ Kỹ thuật số FPT	**0.59**	35	**STB**	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín	**5.57**
11	**GEE**	Công ty cổ phần Điện lực GELEX	**0.23**	36	**TCB**	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	**5.36**
12	**GEX**	Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam	**1.00**	37	**TPB**	Ngân hàng Thương mại cổ phần Tiên Phong	**0.92**
13	**GMD**	Công ty Cổ phần Gemadept	**1.33**	38	**VCB**	Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam	**2.27**
14	**HCM**	Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	**0.92**	39	**VCG**	TCông ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	**0.25**
15	**HDB**	Ngân hàng Phát triển TPHCM	**4.59**	40	**VCI**	Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap	**0.81**
16	**HPG**	Công ty cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	**4.61**	41	**VHM**	Công ty Cổ phần Vinhomes	**7.40**
17	**IDC**	Tổng công ty IDICO - Công ty Cổ phần	**0.39**	42	**VIB**	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	**1.15**
18	**KBC**	Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc	**0.69**	43	**VIC**	Tập đoàn Vingroup - Công ty Cổ phần	**10.48**
19	**KDH**	Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh nhà Khang Điền	**0.55**	44	**VIX**	Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX	**1.49**
20	**LPB**	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt	**5.53**	45	**VJC**	Công ty Cổ phần Hàng không VietJet	**1.38**
21	**MBB**	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	**4.36**	46	**VND**	Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT	**0.78**
22	**MSB**	Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam	**1.44**	47	**VNM**	Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	**2.14**
23	**MSN**	Công ty Cổ phần Tập đoàn MaSan	**2.53**	48	**VPB**	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	**4.99**
24	**MWG**	Công ty cổ phần Đầu tư Thế giới Di động	**3.42**	49	**VPI**	Công ty Cổ phần Đầu tư Văn Phú	**0.45**
25	**NLG**	Công ty cổ phần Đầu tư Nam Long	**0.39**	50	**VRE**	Công ty Cổ phần Vincom Retail	**0.97**

KHUYẾN CÁO

Tài liệu này được viết và phát hành bởi công ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI (SSIAM). Tài liệu này chỉ mang tính chất tham khảo và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Tài liệu này không phải là bản cáo bạch, lời đề nghị hay là bất kỳ cam kết nào của SSIAM. SSIAM không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi tài liệu này dưới mọi hình thức khi các vấn đề thuộc về quan điểm, dự báo và ước tính trong tài liệu này thay đổi hoặc trở nên không chính xác.

Tài liệu này không nên được sử dụng cho mục đích ghi nhận kế toán, thuế hay để đưa ra các quyết định đầu tư. Nhà Đầu Tư nên chú ý rằng kết qủa hoạt động trong quá khứ không hàm ý đảm bảo cho kết quả hoạt động của Quỹ trong tương lai. Giá trị của một chứng chỉ quỹ và thu nhập của Quỹ có thể tăng hoặc giảm nên không thể được bảo đảm bởi Công Ty Quản Lý Quỹ. Trường hợp Nhà Đầu Tư nghi ngờ về quyết định đầu tư của mình thì nên tìm hiểu thêm thông tin hoặc tham khảo ý kiến chuyên gia để có quyết định đầu tư thích hợp.

GIẢI THƯỞNG

TẠP CHÍ ALPHA SOUTHEAST ASIA	TẠP CHÍ THE ASSET	TẠP CHÍ ASIANINVESTOR	TẠP CHÍ ASIA ASSET MANAGEMENT
• **"Nền tảng di động và trực tuyến tốt nhất (Công ty Quản lý Quỹ)"** năm 2024 và 2025 • **"Công ty Quản lý Quỹ và Tài sản tốt nhất Việt Nam"** năm 2020, 2021, 2022, 2023, 2024, 2025 (6 năm liên tiếp) • **"Công ty Quản lý Quỹ tốt nhất Việt Nam cho các Danh mục Bảo hiểm và Chương trình Hưu trí Tư nhân"** năm 2020, 2021, 2023, 2024, 2025 (3 năm liên tiếp) • **"Nhà Quản lý Quỹ tốt nhất (Quỹ Cân Bằng)"** năm 2021	• **"Công ty Quản lý Quỹ của Năm"** năm 2012, 2014, 2021, 2022, 2023, 2024 và 2025 (5 năm liên tiếp) • **"Công ty Quản lý Quỹ nội địa của Năm"** năm 2015, 2016, 2017, 2018 • **"Nhà Cung cấp ETF của Năm"** 2021	• **"Công ty Quản lý Quỹ tốt nhất Việt Nam"** năm 2010 • **"Công ty Quản lý Quỹ nội địa tốt nhất Việt Nam"** năm 2015, 2016, 2017, 2018 • **"Hoạt động Phát triển Kinh doanh Tốt Nhất"** năm 2022 • **"Giải Thưởng Thị Trường – Việt Nam"** năm 2024, 2026	• **"Công ty Quản lý Quỹ tốt nhất Việt Nam"** năm 2012, 2013, 2016 • **"Tổng Giám đốc của Năm"** năm 2012, 2013, 2014, 2015, 2016, 2020, 2022 • **"Giám đốc Đầu Tư của Năm"** năm 2013, 2014, 2015 • **"Quỹ mới của Năm"** 2020

THÔNG TIN LIÊN HỆ

CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ SSI (SSIAM)	
ÔNG. NGUYỄN NGHĨA TUẤN Phó Giám đốc phát triển kinh doanh	**T:** (+84) 24 3936 6321 *ext* 1633 **M**: (+84) 94 652 0788 **E:** tuannn@ssi.com.vn
ÔNG. NGUYỄN TRỌNG HÙNG Giám đốc đầu tư	**T:** (+84) 24 3936 6321 **E:** hungnt@ssi.com.vn